

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 01 và kế hoạch tháng 02 năm 2019**

Trong tháng, tình hình sản xuất có một số thuận lợi và khó khăn như: Giá cả một số mặt hàng nông, thủy sản chủ yếu luôn ở mức cao như: Lúa, heo hơi, tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra và cua biển. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cơn bão số 1 làm cho một số diện tích màu và lúa bị hư hại; thời tiết lạnh làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các loại hoa màu phục vụ Tết Nguyên đán 2019; giá mía, dừa khô và cam sành ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

#### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành**

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển hợp tác xã, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Ban hành Bộ Tài liệu tuyên truyền về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2018; đã phân bổ dự toán 2019 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

Tổ chức tổng kết năm 2018 của ngành và phân khai chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho các huyện, thị xã, thành phố.

##### **2. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:**

###### **a) Trồng trọt:**

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông: Thu hoạch 42.329 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 74.246 ha, đạt 93,66% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,26 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,47 tấn/ha; sản lượng 390.639 tấn. Thu hoạch lúa vụ mùa 416 ha, đạt 18,59% diện tích xuống giống, năng suất 4,39 tấn/ha.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 49.992 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 56.665 ha, thấp hơn cùng kỳ 4.153 ha. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 406 ha chủ yếu là bệnh đạo ôn lá 253 ha tỉ lệ phổ biến 5-10% tập trung ở một số xã của huyện Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè và Tiểu Cần; bệnh bạc lá 145 ha, tỷ lệ từ 10-20%, tập trung ở một số xã của huyện Tiểu Cần và Trà Cú.

Ngoài ra, còn có một số đối tượng gây hại khác như rầy nâu, chuột, ốc bươu vàng, tuy nhiên với diện tích nhỏ, mức độ gây hại không đáng kể.

- Cây màu: Gieo trồng 5.532 ha, nâng tổng số đến nay 9.603 ha, đạt 17,06% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 150 ha, cụ thể: Màu lương thực 1.205 ha; màu thực phẩm 6.211 ha; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.187 ha. Thực hiện 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ khoai môn tại xã Đại An, huyện Trà Cú với diện tích 20 ha.

Thực hiện 01 điểm trình diễn lúa lai 6129 với diện tích 02 ha/02 hộ ở xã Mỹ Hòa huyện Cầu Ngang; 01 mô hình cánh đồng lớn cây khoai môn tại xã Đại An huyện Trà Cú với diện tích 20 ha/64 hộ; nhân nuôi 370 mummy, bộ đuôi kim đang tiếp tục nhân nuôi trong phòng thí nghiệm.

\* Tình hình thiệt hại do ảnh hưởng của cơn bão số 1: Mưa lớn làm ngập úng cục bộ gây thiệt hại 33 ha hoa màu và 397 ha lúa Đông Xuân mới sạ tại 02 huyện Trà Cú (215 ha) và Tiểu Cần (182,2 ha); 48 căn nhà (21 căn sập hoàn toàn, 25 căn tốc mái, 02 căn siêu vẹo) ở huyện Duyên Hải và Trà Cú, ước tổng thiệt hại 1.867,2 triệu đồng; Ước thiệt hại về nhà ở huyện Duyên Hải 1.219 triệu đồng, lúa 544,2 triệu đồng, hoa màu 104 triệu đồng.

#### **b) Chăn nuôi:**

- Tình hình chăn nuôi: Người chăn nuôi tập trung chăm sóc tốt đàn vật nuôi để phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán.

- Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm gia cầm 50.700 con (tăng 4.320 gia cầm so cùng kỳ); LMLM gia súc 275 con (tăng 275 gia súc so cùng kỳ); Đại chó, mèo 126 con (giảm 23 con so cùng kỳ); các bệnh thường xuyên 35.660 liều (tăng 14.095 liều so cùng kỳ) và các loại vắc xin khác 116.682 liều (tăng 41.912 liều so cùng kỳ). Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 18.761 con, giảm 0,6% so cùng kỳ (tương đương giảm 116 con); trâu, bò 1.475 con, tăng 190% so cùng kỳ (tương đương tăng 968 con); gia cầm 120.566 con, tăng 6,9% so cùng kỳ (tương đương tăng 7.823 con); sản phẩm động vật 45.404 kg, tăng 109% so cùng kỳ (tương đương tăng 23.685 kg).

**c) Lâm nghiệp:** Tiếp tục xây dựng kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh; tổ chức 83 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 01 trường hợp phá rừng trái Pháp luật làm thiệt hại rừng Đước và Mắm tại ấp Động Cao, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải với diện tích 160 m<sup>2</sup> và kiểm soát lâm sản; xác nhận 06 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã và cấp 03 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã; xây dựng kế hoạch khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 5.452,46 ha cho các huyện Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và Thành phố Trà Vinh; xây dựng kế hoạch tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng năm 2019.

#### **d) Thủy sản:**

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 3.481 ha, thu hoạch 5.286 tấn (3.107 tấn cá lóc, 18 tấn tôm sú, 959 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 3,78% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.238 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 166,5 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.916 ha; 258 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 392 ha; 17,3 triệu con cua biển, diện tích 76 ha. Thu hoạch 1.088 tấn (thấp hơn cùng kỳ 94 tấn).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 16 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 95,7 ha (cá lóc 13,5 triệu con, diện tích 22,3 ha). Thu hoạch 4.198 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.332 tấn).

- Khai thác thủy sản: Sản lượng 5.986 tấn (913 tấn tôm), đạt 7,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 49 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 761 tấn (287 tấn tôm), khai thác hải sản 5.224 tấn (626 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 297 tấn thủy sản (tôm sú 45 tấn, tôm thẻ 252 tấn), chế biến 244 tấn, tiêu thụ 104 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 01 triệu USD.

- Kiểm dịch 45,7 triệu con giống tôm sú và tôm thẻ chân trắng.

#### ***e) Phát triển nông thôn:***

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền, vận động: Tổ chức 144 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 9.046 lượt người; công nhận 170.695 hộ (đạt 76,43% số phát động) và 297 ấp (chiếm 43,55%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Huy động 222,1 tỷ đồng (Trung ương 114,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 107,2 tỷ đồng). Đến nay, nguồn vốn đã giải ngân 143,4 tỷ đồng đạt 64,5%. Vốn phân bổ năm 2018 là 181 tỷ đồng (Trung ương 81 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 100 tỷ đồng) để xây dựng các công trình cơ bản.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Có 40 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 47,06% (10 xã đang hoàn thiện hồ sơ xét công nhận); có 3 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, chiếm 3,53%; có 32 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm 37,65%; có 10 xã đạt từ 5 – 9 tiêu chí, chiếm 11,76%.

- Chương trình bố trí dân cư: Thực hiện dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành đang chờ phân bổ vốn để tiếp tục thực hiện.

- Kinh tế hợp tác: Hoàn thành nội dung tờ bướm, kỹ yếu về xây dựng HTX kiểu mới gửi Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp phép xuất bản; đã hoàn thành công tác lắp đặt pano tuyên truyền về xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn các huyện; khảo sát, đánh giá tình hình hoạt động HTX nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn tỉnh; theo dõi, quản lý lớp tập huấn sản xuất lúa hữu cơ tại HTX Dân Tiến thuộc xã Phong Phú, huyện Cầu Kè.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục khai thác và quản lý tốt các trạm cấp nước phục vụ sản xuất. Trong tháng, đã lắp đặt cho 115.124 hộ sử dụng nước máy.

**3. Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 26 dự án (22 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới), gồm: 06 công

trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 8 công trình dân dụng; năm 2019 chưa giải ngân vốn.

#### **4. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai (PCTT):**

Phối hợp khảo sát thực tế hiện trạng sạt lở bờ sông Hậu huyện Trà cú; bàn giao mặt bằng thi công xây dựng công trình kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông Định An, huyện Trà Cú; làm việc công trình Đê Long Hữu – Hiệp Thạnh, thuộc dự án Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh (giai đoạn II); tổ chức 04 đợt kiểm tra tình hình đê điều, kiểm tra phát hiện 02 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, đã tiến hành xử lý theo quy định; lập báo cáo đề xuất sử dụng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ phòng, chống và khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô năm 2018 – 2019; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019 và Sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển.

Thu quỹ PCTT đến nay đã thu 7,52 tỷ đồng (trong đó nộp bổ sung năm 2017 là 403,28 triệu đồng, nộp theo chỉ tiêu 2018 là 7,12 tỷ đồng), đạt 61,5% kế hoạch.

#### **5. Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:**

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Kiểm tra, đánh giá 03 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 01 cơ sở loại A, 02 cơ sở loại B; cấp mới 01 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và 09 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 79 người sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 06 mẫu (03 mẫu lạp xưởng, 03 mẫu chả lụa); phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thanh, kiểm tra liên ngành về ATTP Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 114 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 07 tàu, đăng ký 22 tàu, cấp 30 sổ danh bạ (164 thuyền viên), cấp 33 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 4,6 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.195 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 142.192 CV (323 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 701 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 990 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 55,7 triệu đồng; cấp 08 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 192 tấn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản đối với 15 cơ sở (08 cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc BVTV và giống cây trồng và 03 cơ sở sản xuất chả lụa, 04 cơ sở sản xuất lạp xưởng), thu 15 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phát hiện và xử lý 13 trường hợp vi phạm hành chính, gồm: 07 trường hợp buôn bán phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản giả không có giá trị sử dụng, công dụng, không đạt chất lượng so với công bố áp dụng; 03 trường

hợp buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng; 02 trường hợp kinh doanh thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam.

## **6. Công tác khuyến nông và công tác giống**

- Công tác khuyến nông:

Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, đã đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình đến nay bò phát triển tốt, đã có 17 con được phối giống. Đề tài cam không hạt đã hoàn thành việc chọn hộ và đầu thầu cây giống, đang xây dựng bảng vẽ thiết kế nhà lưới.

- Công tác giống:

Giống cây trồng: Vụ Thu Đông khảo nghiệm bộ giống sản xuất thử, gồm 14 giống của Viện lúa ĐBSCL, diện tích 0,4 ha lúa đã thu hoạch; kết quả chọn ra các giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh như: OM (121, 3673, 4900, 429, 5451).

Tổ chức nghiệm thu các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh, kết quả đánh giá giai đoạn trồng mới, cây phát triển tốt, đã ra đọt non và thích nghi điều kiện địa phương; tổ chức sản xuất 6,6 ha lúa Đông Xuân giống cấp xác nhận 1, hiện lúa đang giai đoạn mạ và xuất bán 120 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Xuất bán 1,9 triệu ấu trùng tôm sú, 210 ngàn con cá lóc và 03 triệu con cá tra bột.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400 đã tổ chức nghiệm thu mô hình, kết quả đã tuyển được 280 con đạt chuẩn để đưa vào sinh sản (235 con mái, 45 con trống), gà đẻ 2.500 trứng và 09 con dê Boer sinh sản để cung cấp con giống cho địa phương, phát triển bình thường. Cung ứng 440 trứng và 200 con gà giống.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Một số diện tích lúa, màu bị giảm năng suất và thiệt hại do bị ảnh hưởng của cơn bão số 1 làm ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất.

Người trồng mía đang gặp khó khăn trong việc tiêu thụ mía nguyên liệu, giá bán thấp sản xuất không có lợi nhuận.

## **III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 02**

### **1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn**

#### **a) Nông nghiệp:**

- Trồng trọt: Thống kê lại diện tích xuống giống và thu hoạch lúa Đông Xuân 2019; theo dõi chặt chẽ các điểm dự tính, dự báo trên các loại cây trồng để thông báo và hướng dẫn nông dân phòng trị; vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị các loại sâu bệnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu,...Tổ chức tập huấn phòng, trừ sâu bệnh và triển khai các mô hình đã được duyệt. Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại,

thống kê diện tích xuống giống vụ Đông Xuân năm 2019, thống kê sản lượng cây màu thu hoạch.

- **Chăn nuôi:** Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau Tết; tiếp tục tăng cường công tác giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là dịch bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc và Dịch tả heo Châu Phi; củng cố và kiểm tra kiểm soát vận chuyển, giết mổ động vật, mua bán động vật, sản phẩm động vật nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe cho người tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2019. Tiếp tục hỗ trợ, kiểm tra công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo việc thu phí, lệ phí đúng theo quy định.

**b) Lâm nghiệp:** Tiếp tục xây dựng kế hoạch giao cây lâm nghiệp phân tán cho các xã, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh năm 2019; kiểm tra các hành vi xâm hại đến động vật rừng; tăng cường công tác Quản lý bảo vệ rừng và tuần tra, kiểm soát lâm sản kịp thời ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; tiến hành ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng theo kế hoạch với tổng diện tích 5.452,46 ha.

**c) Thủy sản:** Khuyến cáo người nuôi thả giống theo lịch thời vụ 2018 - 2019; tăng cường cán bộ bám địa bàn các xã của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải nắm tình hình thả nuôi tôm thẻ theo hình thức siêu thâm canh và hướng dẫn người nuôi thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước phục vụ tốt cho vụ nuôi năm 2019.

**d) Phát triển nông thôn:** Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018; xây dựng kế hoạch cấp phát tài liệu thông tin tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho các Sở, ban, ngành tỉnh và BCD các huyện; xây dựng kế hoạch triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh và kế hoạch tham gia “Tết Quân – Dân” năm 2019 tại xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần; chuẩn bị hồ sơ và các thủ tục liên quan triển khai thực hiện Nghị Quyết 78/2018/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa từ Nghị định số 98/2018 về chính sách khuyến khích phát triển HTX, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

## **2. Công tác chuyên ngành:**

- Chuẩn bị báo cáo phục vụ Hội thảo về giải pháp kỹ thuật ứng dụng công nghệ trong xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL với tiêu đề “Phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm giải pháp kỹ thuật kiến nghị áp dụng để bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải và bờ biển ấp Côn Trừng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải”.

- Tổ chức tập huấn thủy sản đầu vụ nuôi năm 2019; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông năm 2018 chuyên tiếp; xây dựng các dự án thuộc chương

trình vốn sự nghiệp năm 2019.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhãn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

- Tổ chức các cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên Đán.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động tại 158 trạm cấp nước, tăng thêm 700 hộ sử dụng; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### 3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

#### Nơi nhận:

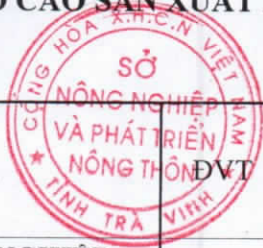
- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC <sup>mnl</sup>  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN  
THÁNG 01 NĂM 2019**



Mã số	Chi tiêu	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 01	Ước TH 01 tháng năm 2019	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	<b>Cây hàng năm</b>							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	152.868	199.400	55.194	147.775	96,67	76,66%
	Cây lương thực có hạt	Ha	144.284	149.000	50.449	139.039	96,37	96,83%
<b>1.</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha	143.414	144.000	49.992	138.172	96,35	99,59%
<b>a</b>	<b>Vụ Thu Đông</b>							
	- DT gieo sạ	ha	80.899	78.000		79.272	97,99	103,72%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	80.899	78.000	42.329	74.246	91,78	103,72%
	- Năng suất	Tạ/ha	47,89	50,00	52,52	52,61	109,87	95,78%
	- Sản lượng	tấn	387.444	390.000	222.325	390.639	100,82	99,34%
<b>b</b>	<b>Lúa mùa</b>							
	- DT gieo sạ	ha	1.697	1.600		2.235	131,73	106,06%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	535	1.600	416	416	77,66	
	- Năng suất	Tạ/ha	53,00	45,00	43,91	43,91	82,85	
	- Sản lượng	tấn	2.435	7.200	1.825	1.825	74,93	
<b>c</b>	<b>Vụ Đông Xuân</b>							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60.818	66.000	49.992	56.665	93,17	92,15%
	- Năng suất	Tạ/ha		66,00				
	- Sản lượng	tấn		435.600				
<b>2.</b>	<b>Cây màu</b>							
	Diện tích gieo trồng	Ha	9.454	55.400	5.202	9.603	101,58	17,06%
	Diện tích thu hoạch	Ha	-	55.400	-			
<b>a</b>	<b>Màu lương thực</b>		1.204	7.750	654	1.205	100,05	15,54%
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	869,7	5.000	457,0	867	99,69	17,39%
	- Diện tích thu hoạch	"		5.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		54,00				
	- Sản lượng	Tấn		27.000				
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	143,5	1.200	90,2	141	98,43	11,96%
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.200				
	+ Năng suất	Tạ/ha		158,33				
	+ Sản lượng	Tấn		19.000,0				
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	112,7	950	63,0	109	96,73	11,86%
	+ Diện tích thu hoạch	"		950				
	+ Năng suất	Tạ/ha		157,89				
	+ Sản lượng	Tấn		15.000				
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	78,6	600	43,8	88	111,80	13,09%
	+ Diện tích thu hoạch	"		600				
<b>b</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	6.135	30.750	3.409	6.211	101,23	19,95%
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	6.068	30.000	3.372	6.145	101,27	20,23%
	+ Diện tích thu hoạch	"		30.000				



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 01	Ước TH 01 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha		228,00				
	+ Sản lượng	Tấn		684.000				
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	67	750	36	65	97,66	8,93%
	+ Diện tích thu hoạch	"		750				
	+ Năng suất	Tạ/ha		17,33				
	+ Sản lượng	Tấn		1.300				
<b>c</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>2.114</b>	<b>16.900</b>	<b>1.139</b>	<b>2.187</b>	<b>103,47</b>	<b>12,51%</b>
	<b>Đậu phộng</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.179	5.200	720	1.235	104,78	22,67%
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.200				
	+ Năng suất	Tạ/ha		51,54				
	+ Sản lượng	Tấn		26.800				
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	105	5.600	46	65	61,69	1,88%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.600				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.100				
	+ Sản lượng	Tấn		616.000				
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	434	2.500	43	175	40,34	17,35%
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.500				
	+ Năng suất	Tạ/ha		110,00				
	+ Sản lượng	Tấn		27.500				
	<b>Cây trồng khác</b>							
	DT gieo trồng	ha	396	3.600	330	712	179,79	11,01%
	DT thu hoạch	ha		3.600				
<b>B</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>3.591</b>	<b>53.200</b>	<b>3.481</b>	<b>3.481</b>	<b>96,95%</b>	<b>6,54%</b>
<b>1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>118</b>	<b>3.500</b>	<b>96</b>	<b>96</b>	<b>80,89%</b>	<b>2,74%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	90	2.000	90	90	99,34%	4,49%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	0	40	1	1	173,33%	1,30%
	+ Cá lóc	"	20	270	22	22	113,96%	8,25%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	28	1.500	6	6	21,32%	0,40%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	28	1.500	6	6	21,32%	0,40%
	- Diện tích nuôi khác	"						
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>3.472</b>	<b>49.700</b>	<b>3.385</b>	<b>3.385</b>	<b>97,50%</b>	<b>6,81%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	3.472	48.700	3.385	3.385	97,50%	6,95%
	Trong đó: + Tôm sú	"	2.978	21.700	2.917	2.917	97,95%	13,44%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	310	8.500	393	393	126,79%	4,62%
	+ Cua biển	"	185	18.500	76	76	41,19%	0,41%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.000				0,00%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 01	Ước TH 01 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Nuôi nhuyễn thể							
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>9.985</b>	<b>218.000</b>	<b>11.272</b>	<b>11.272</b>	<b>112,89%</b>	<b>5,17%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>4.048</b>	<b>140.000</b>	<b>5.285,9</b>	<b>5.285,9</b>	<b>130,57%</b>	<b>3,78%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>2.866</b>	<b>76.500</b>	<b>4.198</b>	<b>4.198</b>	<b>146,46%</b>	<b>5,49%</b>
	- Sản lượng cá	"	2.700	75.000	4.041	4.041	149,69%	5,39%
	Trong đó: + Cá tra	"	107	20.000	289	289	270,09%	1,45%
	+ Cá lóc	"	1.611	35.000	3.107	3.107	192,84%	8,88%
	- Sản lượng giáp xác	"	167	1.500	157	157	94,30%	10,49%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	167	1.500	157	157	94,30%	10,49%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>1.182</b>	<b>63.500</b>	<b>1.088</b>	<b>1.088</b>	<b>92,02%</b>	<b>1,71%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	1.182	58.500	1.088	1.088	92,02%	1,86%
	Trong đó: + Tôm sú	"	218	12.000	18	18	8,43%	0,15%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	855	39.000	959	959	112,21%	2,46%
	+ Nuôi cua biển	"	109	7.500	110	110	101,10%	1,47%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	-	5.000	-	-		
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>5.937</b>	<b>78.000</b>	<b>5.986</b>	<b>5.986</b>	<b>100,83%</b>	<b>7,67%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>5.078</b>	<b>68.000</b>	<b>5.224</b>	<b>5.224</b>	<b>102,88%</b>	<b>7,68%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	2.188	29.000	2.368	2.368	108,23%	8,16%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	780	9.000	626	626	80,29%	6,96%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	2.110	30.000	2.230	2.230	105,68%	7,43%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>858</b>	<b>10.000</b>	<b>761</b>	<b>761</b>	<b>88,71%</b>	<b>7,61%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	420	5.000	377	377	89,73%	7,54%
	- Tôm các loại	"	332	3.000	287	287	86,44%	9,57%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	106	2.000	97	97	91,80%	4,86%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	1.873		2.334	2.334	124,61%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	68		24	24	35,29%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	2.978		2.917	2.917	97,95%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	30		8	8	26,75%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	133		167	167	125,02%	

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 01	Ước TH 01 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	7		2	2	22,78%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	5		1	1	18,22%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	760		1.171	1.171	154,08%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	178		91	91	51,12%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	310		393	393	126,79%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	68		29	29	42,16%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	194		258	258	133,19%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	42		21	21	50,10%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	21		8	8	37,61%	